TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 18/4/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Bà Trần Thị Ngọc Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT, ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **D**, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Luật sư **Nguyễn A** – Thành viên Văn phòng luật sư Nguyễn A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)
Địa chỉ: Số 387, đường B, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Bị đơn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn chị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 01/3/2011.

Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung với gia đình cha, mẹ ruột của anh B cho đến năm 2015 thì vợ chồng ra sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm cho đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không tôn trọng ý kiến của chị, nhiều lần đánh chị và đuổi chị đi, ngoài ra anh B còn không tôn trọng gia đình chị. Chị và anh B đã không còn sống chung với nhau từ ngày 24/10/2022 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên T, sinh ngày 01/11/2011 và K, sinh ngày 15/01/2019. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ (mỗi đứa 1.000.000đ) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ 50, diện tích 72m^2 loại đất ở đô thị, tọa lạc ấp T, thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long do anh B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn anh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian vợ chồng chung sống. Còn về mâu thuẫn vợ chồng là do chị D thường nhắc lại chuyện cũ của vợ chồng và chuyện của gia đình hai bên rồi dẫn đến vợ chồng cự cãi, mâu thuẫn trong việc cách dạy con. Anh và chị D không còn sống chung với nhau từ ngày 24/10/2022 cho đến nay. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên T, sinh ngày 01/11/2011 và K, sinh ngày 15/01/2019. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị D. Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m^2 loại đất ở đô thị, tọa lạc ấp T, thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên anh thống nhất và không có ý kiến.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị D và anh B có 02 con chung tên T, sinh ngày 01/11/2011 và K, sinh ngày 15/01/2019. Giao cháu Tí và K cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) và cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu T và K đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/02/2023, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm là giao con chung tên K, sinh ngày 15/01/2019 cho anh B nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Bị đơn anh B vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm là giao con chung tên K, sinh ngày 15/01/2019 cho anh B nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn chị D không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh B và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*:

Hiện nay bị đơn B có nhà ở và nghề nghiệp ổn định, phía chị D phải nuôi 02 con và có thu nhập thấp nên điều kiện về nuôi con của anh B đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn B. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Vĩnh Long. Giao con chung là cháu K, sinh ngày 15/01/2019 cho anh B được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Vĩnh Long*:

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn kháng cáo thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện là đầy đủ theo đúng thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B về việc yêu cầu được nuôi con chung. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Mặt khác, bản án sơ thẩm chưa tuyên cụ thể về thời điểm cấp dưỡng cho 02 con, nên cần thiết bổ sung tại cấp phúc thẩm về thời điểm cấp dưỡng nuôi 02 con được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/02/2023.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do giữ nguyên án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của bị đơn anh B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết giao con chung là K, sinh ngày 15/01/2019 cho anh B nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của anh B và chị D đều có nghề nghiệp, nơi ở ổn định nên anh B và chị D có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm lo, tạo điều kiện cho con chung được học tập, được sống trong môi trường gia đình đầm ấm để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức.

Tuy nhiên, cần phải xem xét mối quan hệ của con gần gủi với mẹ; mối quan tâm chia sẻ của con; đảm bảo sự ổn định và liên tục, giảm thiểu sự xáo trộn với môi trường sống và giáo dục của con. Thực tế, chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và mong muốn 02 con được ở cùng nhau để đảm bảo ổn định tâm lý và tình cảm của con, hơn nữa cháu K mới hơn 04 tuổi. Phía anh B chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị D không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử cần ưu tiên giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đối với cháu T, sinh ngày 01/11/2011, bản án cấp sơ thẩm giao cho chị D nuôi dưỡng và buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi và phía anh B không có kháng cáo. Tuy nhiên, án sơ thẩm chưa tuyên cụ thể về thời điểm cấp dưỡng cho 02 con, nên cần thiết bổ sung tại cấp phúc thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án và đúng quy định của luật. Vì vậy, thời điểm cấp dưỡng nuôi 02 con được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/02/2023.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của bị đơn B và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa đủ cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Vĩnh Long về giao con chung là cháu K cho chị Diễm nuôi dưỡng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả và án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

Giao 02 chung là T, sinh ngày 01/11/2011 và K, sinh ngày 15/01/2019 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* và cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Thời điểm cấp dưỡng nuôi 02 con được tính kể từ ngày 22/02/2023 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh B phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009185 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa